

TCT CP BIA - RƯỢU - NGK SÀI GÒN  
CÔNG TY CP NGK CHUÔNG DƯƠNG

SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE CORPORATION  
CHUONG DUONG BEVERAGES JSC

No: 54./CD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
Independence-Freedom-Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2019  
Ho Chi Minh City, 13<sup>rd</sup> Aug 2019

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước**  
**Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

V/v: Công bố Báo cáo tài chính bán niên 2019 được kiểm toán bởi KPMG Việt Nam

và giải trình kết quả SXKD tăng so với cùng kỳ bán niên 2018, các chỉ tiêu thay đổi trước và sau kiểm toán trong BCTC tại 30/6/2019

**Respectfully to: The State Securities Commission**  
**Ho Chi Minh City Stock Exchange**

Re: Disclosure Financial Statements (FS) for half year 2019 audited by KPMG and  
explanation result of operating performance of half year 2019 increase compared  
to the same period of last half Year 2018, the change items on FS  
after audited ended 30 Jun 2019

Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương  
Organization name : Chuong Duong Beverages Joint Stock Company  
Mã chứng khoán : SCD  
Security symbol : SCD  
Địa chỉ : 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh  
Address : 606 Vo Van Kiet, Cau Kho Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Căn cứ điều 11 thông tư số 155/2015/TT-BTC về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính hằng quý. Công ty Chương Dương xin thuyết minh, trình bày các thông tin như sau:

According to Article 11 of Circular No.155/2017/TT-BTC of Finance Ministry on the disclosure of Quarterly Financial Statement information. Chuong Duong Beverages Joint Stock Company (Code of Stock SCD) would like to provide the following disclosures:

Báo cáo lãi lỗ tại 30/6/2019/Profit and loss at 30/6/2019:



CHỈ TIÊU ITEMS	6 THÁNG/6 MONTH PERIOD CDBECO's FS		6 THÁNG/6 MONTH PERIOD (Ater Audited FS)		(±) tăng giảm increase/ decrease	Tỷ lệ/variance (%)	changes after audited FS	
	YEAR 2019	YEAR 2018	YEAR 2019	YEAR 2018		6 tháng/6 month 2019/2018	6 month 2019	6 month 2018
A	1	2	3	4	5= (3-4)	6 = (5/4)	7 = (1-3)	8 = (2-4)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Sales	139,545,454,978	149,521,733,733	139,545,454,978	149,521,733,733	(9,976,278,755)	-7%	0	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Deductions	2,354,182,982	8,435,600,925	2,354,182,982	8,435,600,925	(6,081,417,943)	-72%	0	0
+ Chiết khấu thương mại	2,354,182,982	8,435,600,925	2,354,182,982	8,435,600,925	(6,081,417,943)	-72%	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net Sales	137,191,271,996	141,086,132,808	137,191,271,996	141,086,132,808	(3,894,860,812)	-3%	0	0
4. Giá vốn hàng bán/COGS	98,762,271,305	104,433,972,137	98,762,271,305	104,433,972,137	(5,671,700,832)	-5%	0	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ// Gross profit	38,429,000,691	36,652,160,671	38,429,000,691	36,652,160,671	1,776,840,020	5%	0	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	5,183,254,919	5,428,198,644	5,183,254,919	5,428,198,644	(244,943,725)	-5%	0	0
7. Chi phí tài chính/Finacial expense	7,219,919	13,780,736	7,219,919	13,780,736	(6,560,817)	-48%	0	0
8. Chi phí bán hàng/Selling expenses	16,792,586,972	23,435,619,573	16,792,586,972	23,435,619,573	(6,643,032,601)	-28%	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ G&A expenses	16,597,466,874	17,935,981,931	11,226,560,970	17,622,594,431	(6,396,033,461)	-36%	(5,370,905,904)	(313,387,500)
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD/ Net operating profit	10,214,981,845	694,977,075	15,585,887,749	1,008,364,575	14,577,523,174	1446%	5,370,905,904	313,387,500
11. Thu nhập khác/Other Income	418,015,829	33,401,066	418,015,829	33,401,066	384,614,763	1152%	0	0
13. Lợi nhuận khác/Net other	416,410,435	33,400,995	416,410,435	33,400,995	383,009,440	1147%	0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Net accounting profit before tax	10,631,392,280	728,378,070	16,002,298,184	1,041,765,570	14,960,532,614	1436%	5,370,905,904	313,387,500
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành/ Current tax expense	2,831,486,111	145,675,614	2,831,486,111	145,675,614	2,685,810,497	1844%	0	0
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại/ Deferred tax expense	(730,409,564)	0	343,771,617	62,677,500	281,094,117	448%	1,074,181,181	62,677,500
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN/ Net Profit after tax	8,530,315,733	582,702,456	12,827,040,456	833,412,456	11,993,628,000	1439%	4,296,724,723	250,710,000

1. Lợi nhuận trước thuế trình bày trên BCTC bán niên 2019 tăng 14,96 tỷ đồng so với cùng kỳ bán niên 2018 (Cùng kỳ 2018 lãi 1,04 tỷ đồng) nguyên nhân chính là các khoản chi phí giảm nhiều đó là kết quả của việc kiểm soát chi phí tốt hơn. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế tăng 11,99 tỷ đồng.

Profit before tax on Financial Statement for the period ended as at 30 Jun 2019 is higher VND14,96 Billion when compared to the same period of last half year 2018 (half last year 2018 was profitable amount of VND1,04 Billion) mainly due to all costs are dramatically decreased resulting from better control. Thus, Profit after tax increases amount of VND11,99 Billion.

2. Những chỉ tiêu thay đổi trên BCTC sau kiểm toán so với báo cáo tự lập của Chương Dương là điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp một khoản 5,37 tỷ đồng, do khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đã được điều chỉnh hồi tố vào lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2019. Kết quả là lợi nhuận trước thuế kỳ này của Chương Dương được điều chỉnh tăng tương ứng là 5,37 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế được điều chỉnh tăng 4,29 tỷ đồng.

Việc điều chỉnh này, Công ty đã trình bày tại thuyết minh số 3(I), trang 15 và thuyết minh số 35 trang 36 – 37 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Kiểm toán viên KPMG cũng đã nêu ý kiến nhấn mạnh về việc điều chỉnh hồi tố này tại trang 4 của Báo cáo Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính được đính kèm với thư giải trình này.

The differences between reviewed interim financial statements and the Company's announced interim financial statements is driven from the adjustment for the decrease in general and administration expenses mounting to VND5.37 billion. This is due to provision for severance allowance is adjusted retrospectively to retained earnings – opening balance at 1 January 2019. As a result, profit before tax of the Company is adjusted to increase by VND5.37 billion and profit after tax is adjusted to increase by VND4.29 billion.

The Company has disclosed those adjustments in Note 3(I), page 15 and Note 35, page 36- 37 of the interim financial statement. KPMG has also given an Emphasis of Matter relating to this retrospective adjustments in Page 4 of Interim Financial Statements Review Report.

Trân trọng báo cáo Quý Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Respectfully report to State Securities Commission of Viet Nam, Ho Chi Minh City Stock Exchange.

**Recipients:**

- Như trên /As above
- Lưu TCKT /Accounting Dept. archive



NEO HOCK TAI SCHUBERT